

Bản án số: 70/2018/HSST
Ngày 29-05-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đắc

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 05 năm 2018, đối với bị cáo:

Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 07-01-1963 tại Hà Nội; nơi đăng ký HKTT: không xác định; nơi ở: Số 32/8 P, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: thợ sửa xe; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc C (chết) và bà Trần Thị T (chết); vợ: Ngô Thị T; có hai con sinh năm 1995 và 1997; tiền sự và tiền án: không; bị bắt ngày 31 tháng 10 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

Bị hại: Trần Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 01 L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt). Người đại diện ủy quyền: Trần Thị Tr, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 32/21 C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Huỳnh Thị Kim V, sinh năm 1953, nơi cư trú: Số 46/1 Đường 30/4, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Ngọc Q làm nghề sửa xe và kinh doanh gần bà Trần Thị T nên giữa Q và bà T thường xảy ra mâu thuẫn. Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 30-10-2017, tại khu vực số nhà 46/1 Đường 30/4, phường T, thành phố V; giữa bà Trần Thị T và Huỳnh Ngọc Q xảy ra mâu thuẫn. Q cầm 01 cây xà beng bằng kim loại dài khoảng 60 cm, đường kính rộng khoảng 1,5cm đứng phía sau lưng đánh nhiều nhất vào phần đầu, cổ bà T làm bà ngã gục xuống thì Q dừng lại. Sau đó Q tự giác đến Công an phường T, thành phố V đầu thú, khai báo hành vi phạm tội.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 339/TgT ngày 10-11-2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận về tình trạng thương tích của bà Trần Thị T: 1/ Dấu hiệu chính qua giám định : 01 vết thương phần mềm vùng đầu đang lành thương. Bầm tím đã chuyển màu vàng xanh phía sau tai phải đến vai cổ bên phải, bầm tím cũ vùng cánh tay phải. 2/ Vật gây thương tích: Do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày. 3/Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là 03% .

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 29-01-2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Huỳnh Ngọc Q về tội “ Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày 14-03-2018, do bà Trần Thị T nghi ngờ kết luận giám định pháp y lần đầu về tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra 03% là không chính xác, nên yêu cầu giám định lại. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu trưng cầu giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với bà Trần Thị T.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 1575/C54B ngày 12-04-2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng cục Cảnh sát kết luận về tình trạng thương tích của bà Trần Thị T: 1/Dấu hiệu chính qua giám định: 01 sẹo vết thương phần mềm vùng cằm. Chấn động não điều trị ổn định (khai còn đau đầu, chóng mặt, mất ngủ, suy giảm trí tuệ). 2. Đối chiếu với bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích xác định tỷ lệ thương tật của bà Trần Thị T: 01 sẹo vết thương phần mềm vùng cằm được tính 03%. Chấn động não điều trị ổn định (hiện tại còn đau đầu, chóng mặt, mất ngủ, suy giảm trí tuệ) được tính 05 %. Áp dụng phương pháp cộng lùi và làm tròn, xác định tại thời điểm giám định bà Trần Thị T có tỷ lệ thương tật là 08%.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Cố ý gây thương tích”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định do mâu thuẫn với bà Trần Thị T nên vào chiều ngày 30-10-2017 đã sử dụng 01 cây xà beng bằng kim loại dài khoảng 60 cm, đường kính rộng 1,5 cm để hung khí nguy hiểm đánh ba nhát vào phần đầu, cổ bà T gây thương tích. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, phù hợp với biên bản tạm giữ vật chứng, kết luận giám định pháp y và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Xét bị cáo đã sử dụng cây xà beng bằng kim loại là hung khí nguy hiểm làm công cụ gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tật là 08%. Do trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo và người bị hại đã xảy ra mâu thuẫn, nên không áp dụng tình tiết định khung hình phạt phạm tội có tính chất côn đồ đối với bị cáo. Hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015).

So sánh thấy tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt tối đa nặng hơn tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân so với hình phạt tù từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân), không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy, HĐXX vẫn áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình bồi thường một phần chi phí điều trị thương tích cho người bị hại; tự giác ra đầu thú; trong vụ án người bị hại cũng có một phần lỗi vì có những lời nói xúc phạm bị cáo và gia đình bị cáo; nên xem xét giảm cho bị cáo một phần mức án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại và người đại diện xác định bà Huỳnh Thị Kim V (chị của bị cáo) đã bồi thường chi phí điều trị thương tích 2.000.000 đ; nay yêu cầu bị cáo tiếp tục phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm: chi phí điều trị thương tích là 50.000.000 đ, tiền thuê mặt bằng phải trả trong một tháng mà bà T bị thương tích nên thu nhập thực tế bị mất là 12.000.000 đ, tiền thuê người chăm sóc bà T là 5.000.000 đ, tiền chi phí giám định lại là 10.000.000 đ, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 50.000.000 đ; tổng cộng là 127.000.000 đ.

- Tại phiên toà, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà Trần Thị T tổng số tiền 127.000.000 đ.

- Người liên quan bà Huỳnh Thị Kim V bồi thường thay cho bị cáo số tiền 2.000.000 đ, không yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền này nên HĐXX không xem xét.

Xét yêu cầu của các đương sự có căn cứ, sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và các đương sự đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 cây xà beng bằng kim loại dài khoảng 60 cm (một đầu bẹp, một đầu móc), bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 khăn vải có hoa văn là tài sản thu giữ của bà T, bà T yêu cầu không nhận lại, tài sản không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Ngọc Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng : Điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Huỳnh Ngọc Q 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2017.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015; Huỳnh Ngọc Q có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà Trần Thị T tổng số tiền 127.000.000 đ (một trăm hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 cây xà beng bằng kim loại dài khoảng 60 cm (một đầu bẹp, một đầu móc) và 01 khăn vải có hoa văn.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 62/BB.THA ngày 17-01-2018.

5. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, phải nộp 6.350.000 đ (sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo